

Bản án số: 2067/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09-12-2020

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Nhung

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 09/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 359/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5658/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Đàm Văn B, sinh năm 1993

Địa chỉ: Đường V, Phường P, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Bà Ngu, An K (Ngũ Khả A), sinh năm 1993

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: X CA 92843 USA.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Đàm Tự L, sinh năm 1968

2. Bà Diệp Thị Ngọc D, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Đường V, Phường P, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trình bày của ông Đàm Văn B:

Ông và bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/5/2016, vào sổ đăng ký kết

hôn số 57.

Sau khi kết hôn, ông và bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) chung sống tại Việt Nam được một thời gian. Trong quá trình sống chung, thời gian đầu thì hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, lối sống hàng ngày. Ông và bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện nhưng không giải quyết được mâu thuẫn, năm 2018 bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) sang Mỹ sinh sống và làm việc.

Từ khi sang Mỹ đến nay, thời gian đầu thì giữa ông và bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) vẫn còn liên lạc qua lại để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Đến cuối năm 2018 đến nay thì cắt đứt liên lạc. Do thời gian xa cách kéo dài, mâu thuẫn không giải quyết được, tình cảm vợ chồng không còn, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, mỗi người có cuộc sống riêng của mình lại không có khả năng đoàn tụ gia đình nên bà yêu cầu được ly hôn với bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) để ổn định cuộc sống.

Con chung: Ông và bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) có 01 con chung là trẻ Đàm Bảo C, sinh ngày 09/7/2017, giới tính nữ. Hiện nay, trẻ C đang ở cùng mẹ là bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) tại Mỹ. Ông đồng ý giao trẻ C cho bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung ông và bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Ngày 26/12/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ Thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 958/UTTPDS-TA30 cho bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/5/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Công văn số 1123/BTP-PLQT ngày 12/5/2020 của Bộ Tư pháp về việc thông báo kết quả việc ủy thác tư pháp đối với bị đơn bà Ngu, An K (Ngũ Khả A). Theo đó, tại văn bản số 52504249 ngày 08/4/2020 của Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp theo công văn số 958/TTTPDS-TA30 ngày 26/12/2019 là không thực hiện được ủy thác tư pháp nêu trên do đương sự không còn ở tại đại chỉ yêu cầu.

Ngày 09/7/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ Thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 515/TB-TA cho bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/9/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Công văn số 1817/CH-BTP ngày 20/8/2020 về việc Bộ Tư pháp đã gửi hồ sơ ủy thác tư pháp đến Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ.

Ngày 09/10/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có nhận được tờ Đồng ý ly hôn và xin xét xử vắng mặt của bà Ngu, An K (Ngũ Khả A)

lập ngày 27/8/2020 đã được hợp pháp hóa Lãnh sự tại Tổng lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ ngày 14/9/2020 với nội dung: Bà và ông Đàm Văn B tự nguyện quen biết nhau và xây dựng gia đình năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/11/2016.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu bà và ông B sống hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Năm 2018, bà sang Mỹ sinh sống và làm việc nên mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được. Nay ông B có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa bà và ông B thì bà cũng đồng ý do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Bà và ông Đàm Văn B có 01 con chung là trẻ Đàm Bảo C, sinh ngày 09/7/2017, giới tính nữ. Hiện nay, trẻ C đang ở cùng bà tại Mỹ. Bà đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Đàm Bảo C cho đến khi trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con chung bà và ông B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Bà và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) cũng đồng ý với việc rút đơn yêu cầu độc lập của ông Đàm Tự L và bà Diệp Thị Ngọc D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Tại bản tự khai ngày 21/10/2020 ông Đàm Tự L và bà Diệp Thị Ngọc D có cùng nội dung trình bày. Ngày 28/8/2019, ông Đàm Tự L và bà Diệp Thị Ngọc D có đơn yêu cầu độc lập trong vụ án nêu trên. Ngày 07/7/2020, ông L và bà D có đơn xin rút lại toàn bộ đơn yêu cầu độc lập, việc rút đơn của ông L và bà D là hoàn toàn tự nguyện, nếu có yêu cầu thì ông L và bà D sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Còn đối với việc ly hôn giữa ông Đàm Văn B và bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) thì ông bà không có ý kiến vì đó là việc các nhân của ông B và bà Ngu, An K (Ngũ Khả A).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 24/10/2020 nguyên đơn ông Đàm Văn B có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, hòa giải và xét xử.

Ngày 27/8/2020, bị đơn bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) có tờ Đồng ý ly hôn và xin xét xử vắng mặt lập ngày 27/8/2020 đã được hợp pháp hóa Lãnh sự tại Tổng lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ ngày 14/9/2020 với nội dung xin vắng mặt tại tất cả các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án vì lý do ở xa, không có điều kiện về Việt Nam tham gia vụ án ly hôn giữa bà và ông Đàm Văn B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đàm Tự L và bà Diệp Thị Ngọc D cũng có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, hòa giải và xét xử ngày 21/10/2020.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Văn B. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của ông Đàm Tự L và bà Diệp Thị Ngọc D.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Đàm Văn B đang cư trú tại Việt Nam có đơn xin ly hôn với bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) hiện đang sinh sống tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Xét nguyên đơn ông Đàm Văn B, bị đơn bà Ngu, An K (Ngũ Khả A), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đàm Tự L và bà Diệp Thị Ngọc D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của ông Đàm Văn B có đủ căn cứ để xác định:

- Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Đàm Văn B và bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) thì hôn nhân giữa ông B và bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của ông B và bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) thì sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm lối sống. Năm 2018 bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) qua Mỹ sinh sống và làm việc, giữa hai vợ chồng ít có thời gian liên lạc. Cuối năm 2018 đến nay, giữa ông và bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) đã không còn liên lạc. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên ông B đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn với bà Ngu, An K (Ngũ Khả A), bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) cũng có văn bản đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông B. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng ông B và bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng càng không có điều kiện vun đắp có căn cứ về việc vi phạm nghiêm trọng

quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B được ly hôn với bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Con chung: Ông B và bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) khai quá trình chung sống có 01 con chung tên Đàm Bảo C, sinh ngày 09/7/2017, giới tính nữ. Cả hai thống nhất đồng ý giao con cho bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đàm Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông B nếu ông B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Tài sản chung: Nguyên đơn khai không có, bị đơn khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Không có.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Đàm Tự L và bà Diệp Thị Ngọc D, hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 28/8/2019, ông Đàm Tự L và bà Diệp Thị Ngọc D có đơn yêu cầu độc lập trong vụ án nêu trên. Ngày 07/7/2020, ông L và bà D có đơn xin rút lại toàn bộ đơn yêu cầu độc lập, việc rút đơn của ông L và bà D là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên chấp nhận việc rút đơn yêu cầu độc lập của ông L và bà D, đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của ông L và bà D. Nếu có yêu cầu thì ông L và bà D sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Án phí, chi phí tố tụng khác: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Đàm Văn B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về phí ủy thác tư pháp và các chi phí khác ông Đàm Văn B chịu theo quy định pháp luật

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, điểm b Khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86, Điều 87, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của ông Đàm Tự L và bà Diệp Thị Ngọc D.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Đàm Văn B.

Quan hệ hôn nhân: Ông Đàm Văn B được ly hôn với bà Ngu, An K (Ngũ Khả A).

Giấy chứng nhận kết hôn số 57 do Ủy ban nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 5 năm 2016 cho ông Đàm Văn B và bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Giao con chung tên Đàm Bảo C, sinh ngày 09/7/2017, giới tính nữ cho bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự thỏa thuận của ông B và bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) trong việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đàm Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông B nếu ông B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đàm Văn B chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) được cản trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0013187 ngày 05/7/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho ông Đàm Tự L và bà Diệp Thị Ngọc D số tiền 58.200.000 đồng (Năm tám triệu hai trăm ngàn) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0024740 ngày 04/10/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Án xử công khai sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày ông Đàm Văn B, ông Đàm Tự L và bà Diệp Thị Ngọc D nhận tổng đạt hợp lệ bản

án. Đối với bà Ngu, An K (Ngũ Khả A) thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Quận S, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT (Linh/20b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Trang**